

Số: 2452/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 tỉnh Khánh Hòa**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển*





*kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;*

*Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại công văn số 633/BDT-VP ngày 12/08/2022 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3316/STC-TCHCSN ngày 24/8/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2022 cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa theo Phụ lục đính kèm với tổng số tiền 44.983 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 tại Quyết định số 1084/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính là 39.116 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh từ nguồn dự toán năm 2022 (kinh phí sự nghiệp Chương trình kinh tế xã hội miền núi) là 4.330,5 triệu đồng;

- Ngân sách huyện là 1.536,5 triệu đồng.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật NSNN hiện hành.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng ngân sách huyện để đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được duyệt.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, giao Sở Tài chính phối hợp Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (theo danh sách tại Điều 1) và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TL, TLe. 25

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tấn Tuấn*  
**Nguyễn Tấn Tuấn**



**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2022**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO**  
**DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

(Phụ lục kèm Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 31/ 8 /2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>44.983</b>	<b>39.116</b>	<b>5.867</b>	<b>4.330,5</b>	<b>1.536,5</b>
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>1.534</b>	<b>1.334</b>	<b>200</b>	<b>140</b>	<b>60</b>
1	Phân bổ cho các sở, ban, ngành						
2	Phân bổ cho các địa phương		<b>1.534</b>	<b>1.334</b>	<b>200</b>	<b>140</b>	<b>60</b>
	Huyện Khánh Sơn		1.534	1.334	200	140	60
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	511 hộ	1.534	1.334	200	140	60
<b>II</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>		<b>16.199</b>	<b>14.086</b>	<b>2.113</b>	<b>1.505</b>	<b>608</b>
1	Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		<b>8.883</b>	<b>7.724</b>	<b>1.159</b>	<b>811</b>	<b>348</b>
1.1	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng		<b>8.232</b>	<b>7.158</b>	<b>1.074</b>	<b>751</b>	<b>323</b>
1.1.1	Phân bổ cho các sở, ngành						
1.1.2	Phân bổ cho các địa phương		8.232	7.158	1.074	751	323
	- Huyện Khánh Vĩnh	4.245,7 ha	1.630	1.417	213	149	64
	- Huyện Khánh Sơn	11.166 ha	4.284	3.725	559	391	168
	- Huyện Cam Lâm	3.042,3 ha	1.167	1.015	152	106	46
	- Thị xã Ninh Hòa	3.000 ha	1.151	1.001	150	105	45
1.2	Hỗ trợ khoán nuôi tái sinh		<b>651</b>	<b>566</b>	<b>85</b>	<b>60</b>	<b>25</b>
1.2.1	Phân bổ cho các sở, ngành						
1.2.2	Phân bổ cho các địa phương		651	566	85	60	25
	- Huyện Khánh Vĩnh	120 ha	184	160	24	17	7
	- Huyện Khánh Sơn	130 ha	200	174	26	18	8
	- Huyện Cam Lâm	174 ha	267	232	35	25	10
1.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN		<b>7.316</b>	<b>6.362</b>	<b>954</b>	<b>694</b>	<b>260</b>
1.2.1	Phân bổ cho các sở, ngành (9%)		<b>658</b>	<b>572</b>	<b>86</b>	<b>86</b>	
	- Ban Dân tộc (3.8%)		277	241	36	36	
	- Sở Công Thương (0.7%)		51	44	7	7	
	- Liên minh HTX (0.5%)		37	32	5	5	
	- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh (0.5%)		37	32	5	5	
	- Hội Nông dân tỉnh (0.5%)		37	32	5	5	
	- Sở Y tế (3%)		219	191	28	28	
1.2.2	Phân bổ cho các địa phương		<b>6.658</b>	<b>5.790</b>	<b>868</b>	<b>608</b>	<b>260</b>
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã và 3 thôn ĐBKK	3.494	3.038	456	319	137
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã ĐBKK	2.449	2.130	319	223	96



S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Cam Lâm	1 xã và 2 thôn ĐBK	448	390	58	41	17
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBK	107	93	14	10	4
	- Thị xã Ninh Hòa	3 thôn ĐBK	160	139	21	15	6
<b>III</b>	<b>Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS</b>		<b>2.808</b>	<b>2.442</b>	<b>366</b>	<b>275</b>	<b>91</b>
<b>1</b>	<b>Mua sắm trang thiết bị trạm y tế xã</b>		<b>500</b>	<b>435</b>	<b>65</b>	<b>65</b>	
	Phân bổ cho Sở Y tế		500	435	65	65	
<b>2</b>	<b>Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng xã ĐBK, thôn ĐBK và công trình CSHT các xã, thôn đã đầu tư giai đoạn trước</b>		<b>2.308</b>	<b>2.007</b>	<b>301</b>	<b>210</b>	<b>91</b>
	Phân bổ cho các địa phương		2.308	2.007	301	210	91
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.187	1.032	155	108	47
	- Huyện Khánh Sơn		806	701	105	74	31
	- Huyện Cam Lâm		171	149	22	15	7
	- Huyện Diên Khánh		36	31	5	4	2
	- Thị xã Ninh Hòa		72	63	9	6	3
	- Thành phố Cam Ranh		36	31	5	4	2
<b>IV</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>		<b>8.432</b>	<b>7.332</b>	<b>1.100</b>	<b>872</b>	<b>228</b>
<b>1</b>	<b>Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc nội trú</b>		<b>1.438</b>	<b>1.250</b>	<b>188</b>	<b>166</b>	<b>22</b>
	<b>Mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT</b>						
1.1	Phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT tỉnh		575	500	75	75	
1.2	Phân bổ cho các địa phương mua sắm trang thiết bị Trường phổ thông DTNT huyện		863	750	113	91	22
	- Huyện Khánh Vĩnh		288	250	38	38	
	- Thành phố Cam Ranh		575	500	75	53	22
<b>2</b>	<b>Bồi dưỡng kiến thức dân tộc</b>		<b>966</b>	<b>840</b>	<b>126</b>	<b>126</b>	
	- Ban Dân tộc: Bồi dưỡng Kiến thức dân tộc		483	420	63	63	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo: Bồi dưỡng tiếng DTTS		483	420	63	63	
<b>3</b>	<b>Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS&amp;MN</b>		<b>4.395</b>	<b>3.822</b>	<b>573</b>	<b>418</b>	<b>155</b>
3.1	Phân bổ cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội (10%)		439	382	57	57	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		3.956	3.440	516	361	155
	- Huyện Khánh Vĩnh		1.470	1.278	192	134	58
	- Huyện Khánh Sơn		1.572	1.367	205	144	61
	- Huyện Cam Lâm		516	449	67	47	20
	- Thành phố Cam Ranh		398	346	52	36	16
<b>4</b>	<b>Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình</b>		<b>1.633</b>	<b>1.420</b>	<b>213</b>	<b>162</b>	<b>51</b>
4.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (20%)		327	284	43	43	
4.2	Phân bổ cho các địa phương		1.306	1.136	170	119	51
	- Huyện Khánh Vĩnh		703	611	92	64	28
	- Huyện Khánh Sơn		498	433	65	45	20
	- Huyện Cam Lâm		75	65	10	7	3



S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Diên Khánh		12	11	1	1	
	- Thị xã Ninh Hòa		18	16	2	2	
<b>V</b>	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch</b>		<b>1.305</b>	<b>1.135</b>	<b>170</b>	<b>129</b>	<b>41</b>
<b>1</b>	<b>Phân bổ cho các sở, ngành (20%)</b>		<b>261</b>	<b>227</b>	<b>34</b>	<b>34</b>	
	- Sở Văn hóa và Thể thao (16%)		209	182	27	27	
	- Sở Du lịch (4%)		52	45	7	7	
<b>2</b>	<b>Phân bổ cho các địa phương</b>		<b>1.044</b>	<b>908</b>	<b>136</b>	<b>95</b>	<b>41</b>
2.1	Mua sắm trang thiết bị nhà sinh hoạt cộng đồng thôn		350	304	46	32	14
	- Huyện Khánh Vĩnh	7 thôn	244	212	32	22	10
	- Huyện Khánh Sơn	3 thôn	106	92	14	10	4
2.2	Hỗ trợ hoạt động đội văn nghệ tại các thôn vùng DTTS&MN		521	454	67	47	20
	- Huyện Khánh Vĩnh	5 đội	289	252	37	26	11
	- Huyện Khánh Sơn	3 đội	174	152	22	15	7
	- Huyện Cam Lâm	1 đội	58	50	8	6	2
2.3	Xây dựng tủ sách cộng đồng các xã vùng DTTS&MN		173	150	23	16	7
	- Huyện Khánh Vĩnh	2 xã	69	60	9	6	3
	- Huyện Khánh Sơn	2 xã	69	60	9	6	3
	- Huyện Cam Lâm	1 xã	35	30	5	4	1
<b>VI</b>	<b>Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh</b>		<b>1.141</b>	<b>992</b>	<b>149</b>	<b>108,5</b>	<b>40,5</b>
	<b>Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS &amp; MN; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em</b>						
1	Phân bổ cho Sở Y tế (10%)		114	99	15	15	
2	Phân bổ cho các địa phương		1.027	893	134	93,5	40,5
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	538	468	70	49	21
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	353	307	46	32	14
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	70	61	9	6	3
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	40	35	5,0	3,5	1,5
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	26	22	4	3	1
<b>VII</b>	<b>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>		<b>2.665</b>	<b>2.317</b>	<b>348</b>	<b>256</b>	<b>92</b>
1	Phân bổ cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (12%)		320	278	42	42	
2	Phân bổ cho các địa phương		2.345	2.039	306	214	92
	- Huyện Khánh Vĩnh	11 xã, 3 thôn ĐBKK	1.236	1.075	161	113	48
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã ĐBKK	852	741	111	78	33
	- Huyện Cam Lâm	1 xã, 2 thôn ĐBKK	150	130	20	14	6
	- Huyện Diên Khánh	2 thôn ĐBKK	43	37	6	4	2
	- Thị xã Ninh Hòa	3 thôn ĐBKK	64	56	8	6	2
<b>VIII</b>	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>9.448</b>	<b>8.216</b>	<b>1.232</b>	<b>872</b>	<b>360</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế dân tộc còn nhiều khó khăn</b>		<b>8.600</b>	<b>7.478</b>	<b>1.122</b>	<b>789</b>	<b>333</b>
1.1	Phân bổ cho Ban Dân tộc (1%)		86	75	11	11	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		8.514	7.403	1.111	778	333
	- Huyện Khánh Vĩnh	2.865 hộ	4.478	3.894	584	409	175



S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Huyện Khánh Sơn	2.208 hộ	3.451	3.001	450	315	135
	- Huyện Cam Lâm	183 hộ	287	249	38	27	11
	- Huyện Diên Khánh	73 hộ	114	99	15	10	5
	- Thị xã Ninh Hòa	118 hộ	184	160	24	17	7
2	<b>Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>		<b>848</b>	<b>738</b>	<b>110</b>	<b>83</b>	<b>27</b>
2.1	Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc (16%)		135	118	17	17	
2.2	Phân bổ cho các địa phương		713	620	93	66	27
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	137	119	18	13	5
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	165	144	21	15	6
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	107	93	14	10	4
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	167	145	22	15	7
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	137	119	18	13	5
IX	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào DTTS&amp;M; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		<b>1.451</b>	<b>1.262</b>	<b>189</b>	<b>173</b>	<b>16</b>
1	<b>Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&amp;MN giai đoạn 2021 - 2030</b>		<b>834</b>	<b>725</b>	<b>109</b>	<b>98</b>	<b>11</b>
1.1	Phân bổ cho các sở, ngành (67%)		559	486	73	73	
	- Ban Dân tộc (61%)		509	442	67	67	
	- Sở Tư pháp (1%)		8	7	1	1	
	- Sở Thông tin và Truyền thông (3%)		25	22	3	3	
	- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (2%)		17	15	2	2	
1.2	Phân bổ cho các địa phương		275	239	36	25	11
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	127	111	16	11	5
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	78	68	10	7	3
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	30	26	4	3	1
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	20	17	3	2	1
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	20	17	3	2	1
2	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS &amp; MN</b>		<b>269</b>	<b>234</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	
	Chưa phân bổ		269	234	35	35	
3	<b>Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>		<b>348</b>	<b>303</b>	<b>45</b>	<b>40</b>	<b>5</b>
3.1	Phân bổ cho các sở, ngành (55%)		192	167	25	25	
	- Ban Dân tộc (22.5%)		77	68	9	9	
	- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh (10%)		36	31	5	5	
	- Sở Nông nghiệp và PTNT (2.5%)		9	8	1	1	
	- Ban Dân vận Tỉnh ủy (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Kế hoạch và Đầu tư (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Văn hóa và Thể thao (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Du lịch (1%)		3,5	3	0,5	0,5	

S T T	NỘI DUNG	Số lượng	Phân bổ vốn sự nghiệp năm 2022				
			Tổng vốn	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
					Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
1	2	3	4	5	6	7	8
	- Sở Y tế (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Tư pháp (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Công Thương (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Thông tin và Truyền thông (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Giao thông vận tải (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Sở Nội vụ (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Hội Liên hiệp phụ nữ (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Hội Nông dân (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Liên minh HTX (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Công an tỉnh (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
	- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (1%)		3,5	3	0,5	0,5	
3.2	Phân bổ cho các địa phương		156	136	20	15	5
	- Huyện Khánh Vĩnh	13 xã	72	63	9	6	3
	- Huyện Khánh Sơn	8 xã	45	39	6	4	2
	- Huyện Cam Lâm	3 xã	16	14	2	2	
	- Thị xã Ninh Hòa	2 xã	11,5	10	1,5	1,5	
	- Thành phố Cam Ranh	2 xã	11,5	10	1,5	1,5	

